TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 67/2018/QĐST-DS	*Đầm Dơi, ngày 04 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 153/2018/TLST–DS, ngày 31 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Hoàng K, sinh năm 1974.

Địa chỉ cư trú: ấp H , xã N , huyện Đ , tỉnh C

- *Bị đơn:* Ông Lê Thanh H, sinh năm 1953.

Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1955.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp H , xã N , huyện Đ , tỉnh C .

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng nông N

Địa chỉ trụ sở: Khóm 4, thị trấn Đ , huyện Đ , tỉnh C .

Anh Lê Thanh B , sinh năm 1976

Võ Kim O , sinh năm 1989

Lê Trung Q , sinh năm 1990

Người đại diện theo ủy quyền của bà U, anh B và chị O: Anh Lê Trung Q, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh C.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Trần Hoàng K, anh Lê Trung Qc và ông Lê Thanh H thống nhất tuyên bố hợp đồng cầm cố xác lập ngày 05/03/2012 giữa anh K với ông H, bà U và biên bản thỏa thuận ngày 06/4/2018 vô hiệu. Anh Kcó nghĩa vụ giao lại cho ông H , bà U diện tích đất cầm cố theo biên bản thẩm định thực tế ngày 09/8/2018 diện tích là 19.742,0m^2 có các hướng tiếp giáp:

- Hướng Đông: Giáp đất ông Lê Văn Ki (các đoạn M2M3 = 62m, M3M4 = 23,6m, M4M5 = 33m, M5M6 = 172m; M6M7 = 20,5m);

- Hướng Tây: Giáp phần đất còn lại của ông Lê Thanh H đoạn M1M8 = 288m;

- Hướng Nam: Giáp đất ông Đinh Văn Th, Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn N đoạn M7M8 = 69,2m;

- Hướng Bắc: Giáp kênh Đường Đào đoạn M1M2 = 53,3m

(có sơ đồ đo đạc kèm theo)

Ông H , bà U có nghĩa vụ trả cho anh K 19 lượng vàng 24k. Anh K và ông H thỏa thuận thời gian thực hiện như sau:

Nếu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận mà ông H , bà U tìm được người chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông H, bà U sẽ cho anh K biết trước 20 ngày để thu hoạch nguồn lợi thủy sản trên đất và thanh toán hết số vàng cố đất cho anh K , nếu hết thời gian 06 tháng mà ông H, bà U không tìm được người chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì anh Kế có quyền yêu cầu thi hành án phát mãi đất cầm cố để thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch anh K , anh Q và ông H thỏa thuận anh K chịu 150.000 đồng (hợp đồng vô hiệu), nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh K đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0009957 ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; anh K được hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh K, anh Q và ông H thỏa thuận ông Hvà bà U chịu 3.768.000 đồng (ba triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Ông H, bà U có đơn xin miễn án phí và là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định. Số tiền án phí ông H , bà U nộp là án phí thỏa thuận chịu thay cho anh K , anh K có đơn xin giảm án phí và đã được xem xét giảm 50%.

Anh K không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho anh K 8.597.500 đồng (Tám triệu năm trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0009958 ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.100.000 đồng anh K , anh Q và ông H thỏa thuận anh K chịu 1.550.000 đồng (anh K đã nộp và đối chiếu thanh toán xong), ông H, bà U chịu 1.550.000 đồng. Ông H, bà U có trách nhiệm nộp

1.550.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi để hoàn trả lại cho anh Kế.

Kể từ ngày anh K có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu ông H , bà U chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:** **THẨM PHÁN**

(Đã ký)
Ngô Giang Nam